TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/02/2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Việt;

2. Bà Nguyễn Thuỳ Tang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLST- HNGĐ, ngày 17/10/2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/12/2024 Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST – HNGĐ ngày 15/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Sương L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Sương L trình bày:

Vào năm 2008 tôi và anh Nguyễn Văn B quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận kết hôn số 44/2012 quyển số 01/2012 cấp ngày 03/4/2012.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B thường hay nhậu và dùng lời

lẽ xúc phạm chị, chị cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi, có khi anh B còn đánh chị vì vậy chị đã đến Vĩnh Long thuê nhà trọ sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/4/2024 cho đến nay. Hiện tại chị L không còn tình cảm với anh B nên xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/3/2009. Hiện cháu H đang sống cùng anh B, sau khi ly hôn chị L giao con cho anh B chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Văn B trình bày:

Vào năm 2008 anh B và chị L quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu quyết định đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống với nhau, đồng thời có đi đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận kết hôn số 44/2012 quyển số 01/2012 cấp ngày 03/4/2012.

Anh Ba thống như như trình bày của chị L, tuy nhiên anh B thỉnh thoảng đi nhậu, mỗi khi nhậu thì có nóng tính, cũng có đánh vợ nhưng chỉ có vã vào miệng chứ không phải đánh đập, anh B cũng có tham gia đánh bài, có thiếu nợ, nhưng đã trả hết không còn nợ ai. Ngày 01/5/2024, chị L thuê nhà nhà trọ ở Vĩnh Long để đi làm, sau đó không về chung sống với anh cho đến nay, mặc dù anh có gọi điện thoại động viên, gia đình cũng tạo điều kiện hàn gắn nhiều lần nhưng chị L vẫn nhất quyết ly hôn. Hiện tại anh B còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/3/2009. Hiện cháu H đang sống cùng anh B, trường hợp Toà án cho ly hôn, thì anh B cũng đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không đến phiên tòa là chưa chấp hành theo điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Sương L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/3/2009 cho anh B nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: do anh Ba K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Đỗ Thị Sương L và anh Nguyễn Văn B là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị Sương L và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh B thường hay đi nhậu, anh B có tham gia đánh bài và thiếu nợ, về nhà có dùng lời lẽ xúc phạm chị L, mặc dù chị L có khuyên can anh B rất nhiều lần, nhưng anh Ba K thay đổi. Do đó, chị L thuê nhà trọ sinh sống ở tỉnh Vĩnh Long, nên từ ngày 30/4/2024 chị L ly thân với anh B cho đến nay. Hiện tại chị L không còn tình cảm với anh B nên xin ly hôn với anh B. Trong thời gian sống ly thân anh B cũng tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý và vẫn kiên quyết ly hôn. Anh B cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L nên chị L xin ly hôn thì anh Ba K đồng ý.

Xét thấy vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống giữa chị L và anh B xảy ra mâu thuẫn do anh T thường nhậu, tham gia cờ bạc và đánh chị nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay thời gian cũng đã lâu nhưng anh B cũng không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống trở lại với nhau, điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị L với anh B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh B là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Sương L được ly hôn với anh Phạm Văn B1.

[2.2] Về con chung: chị L đồng ý để anh B1 được nuôi cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/3/2009, sau khi ly hôn, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh B1 cũng có yêu cầu được nuôi Ngọc H, chị L cũng đồng ý để anh B1 nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn. Hiện nay cháu H đang sống

với anh B1, cháu H cũng có có nguyện vọng được sống với anh B1. Do vậy, nên giao cháu Ngọc H cho anh B1 chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.
Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Văn B không yêu cầu chị Đỗ Thị Sương L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh B trình bày tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên chị L và anh Ba K yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Huỳnh Thúy P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Sương L

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị Sương L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/3/2009 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh Ba K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu H đang sống với anh B).

Sau khi ly hôn, chị L có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

4.Về nợ chung: chị L và anh B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị Sương L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp ngày 14/10/2024 theo biên lai số 0013592 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị L phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Hoà Tân (số 44 ngày 03/4/2012);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan